TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 501/2023/DS-PT
Ngày: 25/4/2023
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Hiền**
Các Thẩm phán: *T* 1. Ông **Nguyễn Bá Thịnh**
2. Bà **Phạm Thị Kim**

Thư ký phiên tòa: Bà **An Phương Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Anh Nga** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/4/2023 và ngày 25/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLPT-DS ngày 21/02/2023 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân quận G – Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 890/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 2952/2023/QĐ-PT ngày 17/3/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4115/2023/QĐ-PT ngày 03/4/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1531/2023/QĐ-PT ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam**
Trụ sở chính: M08 Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận Hoàn K, Thành phố Hà N.
Chi nhánh: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam chi nhánh Nam Sài Gòn - số 23 Nguyễn Hữu T, phường Tân H, Quận K, Thành phố H.
Đại diện theo pháp luật : Ông Trần Minh B - chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng quản trị
Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Bà Trần Thị Kim D – (theo văn bản ủy quyền số 1026/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 19/09/2021)
(*Bà D vắng mặt ngày 03/4/2023 và có mặt tại phiên tòa ngày 25/4/2023*)

Bị đơn: **Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D**

Trụ sở: 43/2A2 Phạm Văn C, Phường 8, quận G, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Duy T, sinh năm 1974, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện hợp pháp : Ông Vũ Kim L, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ liên hệ: số 43/2A2 Phạm Văn C, Phường 8, quận G, Thành phố H. (theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Hứa Hồng Anh T**, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 206/53/10/9, KP6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố H.

2. Ông **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1990 (xin vắng)

Địa chỉ thường trú: số 11/4 Nguyễn Bình, tổ 6, ấp 2, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố H.

Tạm trú: số 994/48 Huỳnh Tấn P, KP4, Phường Tân Phú, Quận K, Thành phố H.

3. Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 994/48 Huỳnh Tấn P, KP4, Phường Tân Phú, Quận K, Thành phố H.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/05/2011, ông Nguyễn Tuấn A có đến giao dịch tại Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh Nam Sài Gòn - Phòng giao dịch Huỳnh Tấn P tại địa chỉ số M330 Huỳnh Tấn P, phường Phú M, Quận K, Thành phố H và phát sinh việc mất xe SH150I màu đỏ, biển số 54Z6-6173, số máy F08E-1003532, số khung F-003334 tên chủ sở hữu Nguyễn Thành T do ông Nguyễn Tuấn A sử dụng.

Tại thời điểm phát sinh sự việc, Ngân hàng - Chi nhánh Nam Sài Gòn đã thuê Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D (gọi tắt là Công ty Mạnh D) thực hiện trông giữ tài sản theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số 500/02-2010/HĐBV ngày 01/02/2010. Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Mạnh D đã cho nhân viên là ông Hứa Hồng Anh T thực hiện nhiệm vụ tại Ngân hàng -

Chi nhánh Nam Sài Gòn - Phòng giao dịch Huỳnh Tấn P tại địa chỉ M330 Huỳnh Tấn P, phường Phú M, Quận K, Thành phố H.

Theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, trách nhiệm của Công ty Mạnh D là bảo vệ toàn bộ tài sản của Ngân hàng – Chi nhánh Nam Sài Gòn, bao gồm cả tài sản bên trong và bên ngoài (trước trụ sở và sau trụ sở) không phân biệt tài sản của Ngân hàng, cán bộ công nhân viên hay tài sản của khách hàng đến giao dịch.

Sau khi phát sinh sự việc mất xe của khách hàng Nguyễn Tuấn A, Công ty Mạnh D không thực hiện đền bù, dẫn đến ông Nguyễn Tuấn A thực hiện khởi kiện Ngân hàng tại Tòa án nhân dân Quận K, yêu cầu Ngân hàng đền bù thiệt hại tài sản.

Tòa án nhân dân Quận K đã xét xử ra Bản án số 323/2018/DS-ST ngày 09/7/2018 buộc Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam phải trả cho ông Nguyễn Tuấn A số tiền 127.447.450 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng đã thực hiện trả cho ông Nguyễn Tuấn A số tiền theo quyết định của bản án sơ thẩm trên và theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và công ty Mạnh D tại Biên bản làm việc ngày 09/9/2015.

Tuy nhiên, Công ty Mạnh D đã né tránh trách nhiệm không thực hiện hoàn trả số tiền Ngân hàng đã thi hành theo Bản án số 323/2018/DS-ST ngày 09/7/2018.

Do vậy, Ngân hàng có đơn khởi kiện ngày 25/10/2018 và có đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/11/2019, yêu cầu: Công ty Mạnh D đền bù thiệt hại cho Ngân hàng do nhân viên bảo vệ của Công ty Mạnh D đã để phát sinh việc mất tài sản của khách hàng đến giao dịch, số tiền đền bù bao gồm:

- Giá trị tài sản bị mất là chiếc SH150I màu đỏ, biển kiểm soát 54Z6-6173 là 117.569.000 đồng;

- Chi phí phát sinh từ vụ việc ông Nguyễn Tuấn A kiện Ngân hàng, bao gồm: Án phí dân sự sơ thẩm 5.878.450 đồng, chi phí định giá tài sản 4.000.000 đồng

- Tổng cộng số tiền yêu cầu bị đơn phải trả là 127.447.450 đồng. Phương thức thanh toán: trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 01/02/2010, Công ty Mạnh D có ký hợp đồng số 500/02-2010/HĐBV với Ngân hàng – Chi nhánh Nam Sài Gòn.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Mạnh D đã cử nhân viên bảo vệ là ông Hứa Hồng Anh T đến thực hiện công tác bảo vệ tại số M330 Huỳnh Tấn P, phường Phú M, Quận K, Thành phố H - Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam.

Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 17/5/2011, có thanh niên là anh Nguyễn Tuấn A đi xe SH chở một phụ nữ vào giao dịch tại Chi nhánh Ngân hàng tại địa chỉ M330 Huỳnh Tấn P. Do là giờ Ngân hàng sắp đóng cửa nên anh Tuấn A vội vàng để xe SH ở lề đường Hoàng Quốc V, Quận K, Thành phố H, bên hông Ngân hàng – là ngoài phạm vi bảo vệ của nhân viên Bảo vệ - ông Hứa Hồng Anh T. Anh Tuấn A vào Ngân hàng đã không lấy thẻ giữ xe theo quy định do bảo vệ T đưa vì quá vội và Ngân hàng sắp hết giờ giao dịch (Công ty Mạnh D khi ký kết tại các mục tiêu - quán nhậu, công ty, xí nghiệp tại Thành phố H đều có phát thẻ xe cho khách hàng).

Vào khoảng 16 giờ 30 cùng ngày 17/5/2011, có xe chở tiền của Ngân hàng đến, nhân viên bảo vệ Hứa Hồng Anh T đã xuống dẫn xe và đóng 01 bên cửa đường Hoàng Quốc V và vừa quay ra thì không còn xe SH và có người truy hô trộm xe SH.

Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Mạnh D không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn, vì:

- Anh A vào Ngân hàng giao dịch không có thẻ giữ xe. Theo quy định vào Ngân hàng giao dịch phải có thẻ giữ xe và dựng xe vào bãi xe theo quy định.

- Anh A do vội vàng vào Ngân hàng nên để xe ngoài lề đường Hoàng Quốc V là ngoài phạm vi của bảo vệ trông coi giữ xe.

- Không đồng ý Biên bản làm việc số 822/BB-CNNSG-TCHC ngày 09/9/2015 và Công văn số 27/CV-MD-2015 ngày 10/9/2015 là do ông Hà Duy T ký vì chữ ký của ông Hà Duy T không có chữ H phía trước như chữ ký tại các văn bản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hứa Hồng Anh T:

Nguyên vào ngày 17/5/2011, ông Nguyễn Tuấn A có đến Ngân hàng - Chi nhánh Nam Sài Gòn để giao dịch. Khi giữ xe bảo vệ không đưa thẻ giữ xe vì Công ty Mạnh D không có đưa thẻ xe cho bảo vệ.

Lúc đó vì đã gần hết giờ giao dịch nên Bảo vệ (ông T) phải đóng bớt một cửa phía đường Huỳnh Tấn P lại và kiểm tra cửa. Sau đó quay lại cửa đường

Hoàng Quốc V, nơi xe của ông A đậu thì không còn thấy xe của ông A nữa. Lập tức, ông T vào báo cho ông A biết và báo cho Công an phường Phú M biết và báo cho Đội bảo vệ Công ty Mạnh D biết. Sau đó, ông T đến Công an phường Phú M, Quận K làm bản tường trình sự việc với Công an phường Phú M.

Đối với việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Mạnh D bồi thường thiệt hại, ông T không có ý kiến gì. ông T xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Vào lúc 16 giờ ngày 17/5/2011, ông An có chạy xe SH150I màu đỏ, biển kiểm soát 54Z6-6173, số máy: F08E-1003532, số khung: F-003334 đến Ngân hàng tại địa chỉ M330 Huỳnh Tấn P, phường Phú M, Quận K, Thành phố H. Ông A có yêu cầu ông Hứa Hồng Anh T (bảo vệ ngân hàng) đưa thẻ xe, ông T nói: "Không có thẻ xe, để xe chú coi cho".

Ông A vào Ngân hàng giao dịch được một lúc thì ông T chạy vào báo xe ông A bị mất. Sau đó, đại diện phía Ngân hàng, ông T và ông A cùng đến Công an phường Phú M, Quận K để trình báo.

Sau đó, ông A nhiều lần yêu cầu Công an phường Phú M, Quận K cho trích lục hồ sơ việc mất xe nhưng không được vì hồ sơ bị thất lạc. Sau đó, tôi và ông T đã đến thừa phát lại Quận E để lập vi bằng số 414/2015/VB-TPL Q5 ngày 19/9/2015.

Vụ việc của ông A đã được Tòa án nhân dân Quận K xét xử vào ngày 09/7/2018 và đã buộc phía Ngân hàng đền bù cho ông số tiền 121.569.000 đồng tương ứng với chiếc xe SH150I bị mất và chi phí định giá. Ông cũng đã nhận lại số tiền mà phía Ngân hàng đã bồi thường là 121.569.000 đồng theo Bản án số 323/2018/DS-ST ngày 09/7/2018 và Quyết định thi hành án số 320/QĐ-CCTHADS ngày 17/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận K.

Đối với việc Ngân hàng khởi kiện Công ty Mạnh D, ông A không có ý kiến gì.

Ngày 11/02/2022, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/2022/QĐ-TCGĐ về việc giám định chữ ký, chữ viết của ông Hà Duy T tại hai văn bản trên.

Ngày 05/5/2022, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố H có Kết luận giám định số 1179/KL-KTHS với nội dung: "*Chữ ký đứng tên Hà Duy T trên các tài liệu cần Giám định ký hiệu Al, A2 so với chữ ký mang tên Hà Duy T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ Ml đến M9 là do cùng một người ký ra*".

Không đồng ý với kết luận của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố H, ngày 06/6/2022 đại diện bị đơn có đơn đề nghị giám định lại.

Ngày 03/8/2022, Tòa án nhân dân quận G đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại số 42/2022/QĐ-TCGĐ và Viện Khoa học hình sự Bộ Công An có Kết luận giám định số 289/KL-KTHS ngày 28/9/2022, với nội dung: "*Chữ ký đứng tên Hà Duy T trên các tài liệu cần Giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký mang tên Hà Duy T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M10 là do cùng một người ký ra*".

Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H đã đưa vụ án ra xét xử và quyết định tại Bản án sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 như sau:

"*1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:*

- Buộc Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Mạnh D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam số tiền 127.447.450 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm năm. mươi đồng), Trong đó: Trị giá chiếc xe SH150I biển kiểm soát 54Z6-6173 là 117.569.000 đồng; chi phí định giá là 4.000.000 đồng và nộp 5.878.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Thanh toán một lần ngay sau khi bán án có hiệu lực pháp luật.

-Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Mạnh D không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Sau khi Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Mạnh D thanh toán xong số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thì Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Mạnh D 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 020652 do Công an Quận K, Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Thành T ngày 29/4/2009; biển số xe đăng ký 54Z6-6173.

-Trong trường hợp tìm được chiếc xe SH150I màu đỏ, biển số 54Z6-6173, số máy F08E-1003532, số khung F-007334 theo giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 020652 do Công an Quận K, Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Thành T ngày 29/4/2009 thì quyền sở hữu thuộc về Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Mạnh D."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 29/12/2022, Bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xác minh lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý bản án sơ thẩm, không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn do ông Vũ Kim L đại diện trình bày: Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại từ đầu, vì:

- Hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Ngân hàng và Công ty Mạnh D đã kết thúc (hết hạn) vào ngày 30/09/2012 theo Hợp đồng số 657/10-2011/HĐBV ngày 01/10/2011 được bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy nguyên đơn khởi kiện vào ngày 30/09/2019 là không còn thời hiệu khởi kiện.

- Ông A đến Ngân hàng ngày 17/5/2011 vào thời điểm Ngân hàng đóng cửa và để xe tại lòng lề đường nên không thuộc phạm vi bảo vệ của Công ty Mạnh D, ông A không có thẻ giữ xe, do đó mất xe không thuộc trách nhiệm của Công ty Mạnh D.

- Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 09/9/2015 để buộc Công ty Mạnh D trả tiền lại cho Ngân hàng, nhưng khoảng thời gian ngày 09/9/2015 ông Hà Duy T đã về quê ở Thái B nên không thể ký vào Biên bản này được. Do thời gian đã lâu nên ông Hà Duy T không còn giữ cuống vé máy bay/ tàu/ xe để chứng minh. Hơn nữa, chữ ký tại Biên bản ngày 09/9/2015 có chữ H nhỏ ở đầu chữ ký trong khi các chữ ký mẫu không có chữ H nhỏ này, do vậy, Biên bản làm việc ngày 09/9/2015 không phải là ông Hà Duy T ký.

Đối với các hợp đồng dịch vụ và sao kê mà Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và trước khi nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do vậy bản án sơ thẩm là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn kháng cáo theo Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định nên được chấp nhận để xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và quyết định mở phiên tòa cho các bên đương sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên việc xét xử phúc thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những ông Nguyễn Tuấn A, ông Hứa Hồng Anh T và ông Nguyễn Thành T, căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[3] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do đã hết thời hiệu tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo vệ, lỗi mất xe thuộc về khách hàng và kết quả giám định chữ ký ông Hà Duy T là không đúng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Về thời hiệu của hợp đồng dịch vụ bảo vệ ngày 01/11/2011.

Theo bị đơn, hợp đồng này đã được chấm dứt vào ngày 30/9/2012. Đến thời điểm khởi kiện là 25/11/2019 là vượt quá thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Kinh doanh thương mại.

Xét thấy:

Theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số 500-02/2010/HĐBV ngày 01/02/2010 (BL.355-358), Công ty Mạnh D là đơn vị cung ứng dịch vụ bảo vệ cho V CN Nam Sài Gòn, Hợp đồng có thời hạn từ 14 giờ ngày 01/02/2010 đến hết ngày 31/01/2011.

Theo các tài liệu do nguyên đơn và bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện sau đó các bên đã nhiều lần ký lại hợp đồng và phụ lục gia hạn hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng ngày 10/11/2011 có thời hạn từ 01/10/2011 đến 30/09/2012, Hợp đồng ngày 10/11/2012 có thời hạn từ 19/11/2012 đến 18/11/2013**;** phụ lục hợp đồng ngày 01/11/2013 gia hạn hợp đồng từ 18/11/2013 đến 18/5/2014; phụ lục hợp đồng ngày 17/5/2013 gia hạn hợp đồng từ 19/05/2014 đến 18/12/2014; phụ lục hợp đồng ngày 01/12/2014 gia hạn hợp đồng từ 19/12/2014 đến 18/6/2015;

Theo quy định tại Khoản 12.3 của Điều 12 của Hợp đồng trên: "*Khi kết thúc thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, nếu không bên nào có thay đổi hoặc thông báo trước bằng văn bản thì hợp đồng mặc nhiên được gia hạn*."

Các bên không có thông báo chấm dứt hợp đồng nên các Hợp đồng trên đã lần lượt được gia hạn tiếp tục hợp đồng, thể hiện bằng việc hai bên tiếp tục ký lại hợp đồng và các phụ lục gia hạn hợp đồng với các thời hạn nối tiếp nhau, thể hiện qua việc bị đơn vẫn tiếp tục cho nhân viên bảo vệ của mình – Nguyễn Hồng Anh T thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tại địa điểm thỏa thuận và sau đó là các nhân viên bảo vệ khác thực hiện dịch vụ bảo vệ tại ngân hàng cho đến khi chấm dứt hợp đồng năm 2016, phía Ngân hàng vẫn thanh toán cho Công ty Mạnh D cho đến ngày 18/11/2016 theo Thông báo ngày 26/10/2016 về việc chấm dứt hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ với Công ty Mạnh D (thể hiện qua sao kê chuyển khoản của ngân hàng thanh toán phí dịch vụ cho Công ty Mạnh D).

Về phía bị đơn không xuất trình được chứng cứ như thanh lý hợp đồng, tất toán công nợ … để chứng minh hai bên đã chấm dứt hợp đồng vào ngày 30/9/2012.

Như vậy, khi xảy ra sự kiện mất xe của khách hàng Nguyễn Tuấn A ngày 17/5/2011, hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty Mạnh D và Ngân hàng vẫn đang có hiệu lực và tiếp tục kéo dài đến tháng 11/2016, do vậy viện dẫn của đại diện bị đơn cho rằng hợp đồng dịch vụ đã chấm dứt vào ngày 30/9/2012 nên việc Ngân hàng khởi kiện ngày 25/10/2018 là đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dịch vụ là không đúng.

Mặt khác, ngày 09/9/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn đã có Biên bản làm việc số 822/BB-CNNSG-TCHC (BL.354) với nội dung làm việc về việc giải quyết các vấn đề liên quan đến việc mất tài sản của khách hàng Nguyễn Tuấn A ngày 17/05/2011. Theo biên bản này, hai bên thỏa thuận phía Công ty Mạnh D sẽ thay mặt Ngân hàng giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến vụ việc mất xe ngày 17/05/2011 với các cơ quan chức năng. Trong trường hợp có bản án buộc Ngân hàng chịu trách nhiệm đền bù giá trị tài sản bị mất và các chi phí liên quan

thì Công ty Mạnh D phải có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ các chi phí này thay cho Ngân hàng mà không có bất kỳ khiếu nại nào về sau.

Như vậy, với nội dung thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 09/9/2015 cho thấy các bên đã có thỏa thuận về việc giải quyết hậu quả của sự kiện mất xe ngày 17/05/2011 và với Biên bản làm việc ngày 09/9/2015 thì phía ngân hàng khởi kiện đòi lại tài sản theo thỏa thuận tại văn bản này thì không ảnh hưởng bởi thời hiệu tranh chấp Hợp đồng dịch vụ như ý kiến của bị đơn.

[3.2] Về kết quả giám định chữ ký ông Hà Duy T.

Theo Kết luận giám định số 298/KL-KTHS ngày 28/9/2022 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công An thì chữ ký đứng tên Hà Duy T trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Biên bản làm việc ngày 09/09/2015) và A2 (Công văn số 27/ ngày 09/9/2015) so với các mẫu so sánh được ký hiệu từ M1-M10 là do cùng một người ký ra.

Phía bị đơn cho rằng tại thời điểm ký biên bản làm việc ngày 09/9/2015, ông Hà Duy T về quê ở Thái B nên không thể có mặt tại Thành phố Hồ Chí mInh để ký vào Biên bản làm việc này. Tuy nhiên bị đơn không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc ông Hà Duy T vắng mặt tại Thành phố H ngày 09/9/2015.

Người đại diện của bị đơn trình bày kết luận giám định chữ ký trên không đúng vì chữ ký của ông Hà Duy T tại văn bản giám định xuất hiện chữ H nhỏ ngay phần đầu chữ ký không giống như các văn bản có chữ ký so sánh từ M1 đến M10 là không có chữ H nhỏ này. Tuy nhiên, tại Hợp đồng 657/10-2011/HĐDV ngày 01/10/2011 (bản chính) do chính người đại diện của bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, tại phần đóng dấu của Đại diện bên B có chữ ký của ông Hà Duy T - đã thể hiện ông Hà Duy T ký tên có chữ H nhỏ ngay phần đầu của chữ ký – như chữ ký thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 09/09/2015. Ngoài ra, phía bị đơn cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh Kết luận giám định trên là sai và cũng không có yêu cầu trưng cầu giám định lại chữ ký và chữ viết của ông Hà Duy T tại Biên bản làm việc ngày 09/9/2015. Do vậy, việc phủ nhận chữ ký của ông Hà Duy T tại Biên bản làm việc ngày 09/09/2015 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về ý kiến của bị đơn cho rằng lỗi để mất xe HS 54Z6-6173 ngày 17/05/2011 không thuộc về bị đơn nên bị đơn không đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường.

Xét thấy:

Ông Hứa Hồng Anh T đã có bản tự khai tại Tòa án ngày 10/12/2019 và tại Văn bản xác nhận và cam kết ngày 19/09/2015 đã được lập Vi bằng ngày 19/9/2015, ông T xác nhận sự việc ngày 17/05/2011 ông Nguyễn Tuấn A có đến Ngân hàng - Chi nhánh Nam Sài Gòn gởi xe bên cửa Ngân hàng ở đường Hoàng Quốc V để vào giao dịch và "*khi giữ xe bảo vệ không đưa thẻ giữ xe*".

Theo Điều 1 của Hợp đồng ngày 01/10/2011 (bản chính) do bị đơn cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, nêu rõ: "*Bên A (Ngân hàng) đồng ý thuê và Bên B (Công ty Mạnh D) đồng ý cung ứng dịch vụ bảo vệ. Mục tiêu bảo vệ trong Hợp đồng này là gồm toàn bộ tài sản của Bên A bao gồm cả tài sản bên trong và bên ngoài (trước và sau trụ sở) không phân biệt tài sản của ngân hàng, CBCNV hay tài sản của khách hàng đến giao dịch*".

Tại mục 5.2.2 Điều 5 của Hợp đồng ngày 01/10/2011 quy định: "*Đảm bảo an toàn an ninh trật tự và tài sản trong khu vực của bên A* (Ngân hàng)".

Do vậy, việc ông Nguyễn Tuấn A đậu xe theo sự chỉ dẫn của nhân viên bảo vệ - trước cửa của Ngân hàng (dù cửa ở đường Huỳnh Tấn P hay đường Hoàng Quốc V để vào giao dịch tại Ngân hàng là thuộc phạm vi bảo vệ theo nội dung Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ đã ký.

Việc nhân viên bảo vệ đưa hay không đưa thẻ xe cho khách hàng thuộc trách nhiệm của nhân viên bảo vệ (- phía bị đơn có thể giải quyết hậu quả của việc nhân viên bảo vệ không đưa thẻ xe theo hợp đồng lao động đã ký và nội quy, quy chế của phía công ty Mạnh H đã thỏa thuận với người lao động) nhưng trách nhiệm bảo vệ tài sản khách đến Ngân hàng giao dịch vẫn thuộc về phía Công ty Mạnh D theo quy định của hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ.

Điều 8 mục 8.1 của Hợp đồng ngày 01/10/2011 quy định trách nhiệm của bên B (Công ty Mạnh D) và những trường hợp hạn chế hoặc loại trừ trách nhiệm bồi thường của bên cung ứng dịch vụ bảo vệ, nêu: "*Bên B chỉ bồi thường cho Bên A những thiệt hại tài sản được sở hữu hợp pháp của Bên A và tài sản của CBCNV ngân hàng, của khách hàng đến giao dịch"*. Trường hợp mất xe của khách hàng Nguyễn Tuấn A không thuộc điều khoản hạn chế hoặc loại trừ trách nhiệm của bên cung ứng dịch vụ bảo vệ.

Mặt khác, chính người đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng đã thỏa thuận đồng ý bồi thường giá trị tài sản bị mất và các chi phí phát sinh theo nội dung Biên bản làm việc ngày 09/9/2015 đã phân tích ở trên.

Tại Công văn số 27/CV-MD-2015 ngày 10/9/2015 gởi Tòa án nhân dân Quận K, Công ty Mạnh D đã nêu rõ: Công ty Mạnh D thay mặt Ngân hàng *tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến vụ việc mất xe tại phòng giao dịch số M330 Huỳnh Tấn P, P Phú M, QK TpH xảy ra ngày 17/5/2011 với TAND QK và thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ theo Bản án của TAND QK đã tuyên thay cho*

Ngân hàng. Chính bị đơn cũng đã tái khẳng định việc chịu trách nhiệm bồi thường thay Ngân hàng trong công văn gởi Tòa án nhân dân Quận K.

Do vậy, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H là phù hợp quy định pháp luật; Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận G.

[4] Án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được trừ vào tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Tòa án nhân dân quận G – Thành phố H như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam số tiền 127.447.450 đồng *(Một trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi đồng),* Trong đó: Trị giá chiếc xe SH150I biển kiểm soát 54Z6-6173 là 117.569.000 đồng; chi phí định giá là 4.000.000đ và nộp 5.878.450đ án phí dân sự sơ thẩm.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D không thanh toán số

tiền trên thì hàng tháng phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Sau khi Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D thanh toán xong số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam phải trả cho Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D một (01) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 020652 do Công an Quận K, Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Thành T ngày 29/4/2009; biển số xe đăng ký 54Z6-6173.

-Trong trường hợp tìm được chiếc xe SH150I màu đỏ, biển số 54Z6-6173, số máy F08E-1003532, số khung F-007334 theo Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 020652 do Công an Quận K, Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Thành T ngày 29/4/2009 thì quyền sở hữu thuộc về Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Mạnh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.372.372đ (*Sáu triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng).*

Hoàn lại lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C Việt Nam số tiền 3.186.186đ (*Ba triệu một trăm .tám mươi sáu ngàn một trăm tám mươi sáu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001788 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- TAND Q.G;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- Chi cục THADS Q.G;
- Các đương sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thanh Hiền